

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/HS-PT

Ngày: 03-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 63/2019/HSPT ngày 05 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Phan Quốc C do có kháng cáo của bị cáo, của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2019/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Phan Quốc C**, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Phan Văn B, sinh năm 1961 và bà Trương Thị L, sinh năm 1961, vợ Nguyễn Huế Tr; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:*

Ông Bùi T, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre, có mặt;

Bà Trương Thị M, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 03 tháng 01 năm 2019, Phan Quốc C đến nhà anh Bùi

T để tìm vợ là Nguyễn Huệ Tr đang làm công nhân may tại đây. Khi đến C gọi chị Tr về nhưng chị không đồng ý vì bận làm việc. Do có uống rượu nên C lớn tiếng với chị Tr. Thấy vậy, anh T (chủ cơ sở may) ra khuyên C về trước nhưng C không đồng ý mà lớn tiếng và đến bàn nước gần đó lấy một cái ly thủy tinh có quay xông vào đánh anh T. Khi xông vào đánh anh T thì C bị té ngã làm cho ly thủy tinh bị vỡ. C cầm quay của ly thủy tinh bị vỡ đánh gây thương tích cho anh T ở tay phải và vùng mặt. Thấy vậy, chị Trương Thị M (vợ anh T) và chị Tr vào can ngăn thì bị C dùng mảnh vỡ ly gây thương tích cho chị M ở tay phải và vùng đầu của chị Tr. Sau khi gây thương tích C đưa chị Tr đến Trung tâm y tế huyện C cấp cứu. Còn anh T và chị M được mọi người xung quanh đưa đi cấp cứu và trình báo Công an.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 59-0219/TgT ngày 12 tháng 2 năm 2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận anh Bùi T thương tích như sau: Vết thương dọc bên phải môi dưới dài 03cm, sâu 02 cm, bờ gọn hiện vết thương đã lành sẹo, kích thước 2,5 cm x 0,1 cm có ảnh hưởng đến thẩm mỹ; vết thương mặt sau khuỷa tay phải dài 02 cm đã lành sẹo, kích thước 1,5 cm x 0,1 cm; Vết thương mặt sau cẳng tay phải dài 18 cm, đã lành sẹo, kích thước 15 cm x 0,2 cm; Vết thương sau nếp gấp cổ tay phải dài 2cm đã lành sẹo, kích thước 2 cm x 0,1 cm; Vết thương cạnh vú phải dài 02 cm đã lành sẹo kích thước 01 cm x 0,2 cm. Quyết định xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho anh T là 14%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 62/19/TgT ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Viện pháp y quốc gia – Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận và quyết định xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho anh Bùi T là 12%;

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 57-0219/TgT ngày 12 tháng 2 năm 2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận chị Trương Thị M thương tích như sau: Vết thương mặt lưng 1/3 giữa cẳng tay phải dài 04 cm lộ xương gây đứt gân duỗi dài ngón I, II, gân dang ngón V, hiện vết thương lành sẹo kích thước 07 cm x 0,1 cm, ngón V gân duỗi còn hạn chế. Quyết định xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho chị M là 11%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 63/19/TgT ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Viện pháp y quốc gia – Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận và quyết định xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho chị Trương Thị M là 09%.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày 02-08-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Phan Quốc C phạm “Tội cố ý gây thương tích”; Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa

đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Phan Quốc C 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/8/2019 bị cáo Phan Quốc C kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Ngày 13/8/2019 bị hại Bùi T và Trương Thị M kháng cáo yêu cầu cho Phan Quốc C được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo; bị hại yêu cầu cho bị cáo hưởng án treo. Bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng đơn kháng cáo của bị cáo và các bị hại làm trong hạn luật định. Về nội dung. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Phan Quốc C phạm “Tội cố ý gây thương tích” là có căn cứ đúng người, đúng tội và xử phạt bị cáo Phan Quốc C 09 (chín) tháng tù không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp do bị cáo phạm vào tình tiết “Có tính chất côn đồ” nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Phan Quốc C 09 (chín) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”;

Lời nói sau cùng bị cáo yêu cầu được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 15 giờ ngày 03 tháng 01 năm 2019 Phan Quốc C đã có hành vi dùng ly thủy tinh loại có quay bị vỡ đánh anh Bùi T, gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%, khi đó chị Trương Thị M vào can ngăn thì cũng bị C gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 09%. Giữa bị cáo và các bị hại không mâu thuẫn gì, các bị hại không có lỗi, bị cáo lại dùng vật có tính nguy hiểm để đánh gây thương tích các bị hại. Với ý thức, hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phan Quốc C phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định tại điểm a, i khoản 1 là “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ”) Điều 134

Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng, khi áp dụng hình phạt tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bà nội là Dương Thị Ngọc Th được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, có ông nội Bùi Thành K và bác ruột Bùi Văn D là liệt sĩ, bị hại Bùi T và Trương Thị M xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của điều luật quy định mà bị cáo bị truy tố và cũng đã xem xét yêu cầu về án treo đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng là lao động chính trong gia đình, còn cha mẹ già để yêu cầu được hưởng án treo, các tình tiết bị cáo đưa ra thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo phạm vào tình tiết định khung hình phạt “Có tính chất côn đồ” nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp luật định, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt tù cho bị cáo nên không chấp nhận yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo và kháng cáo của bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

[3] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 22/2019/HS-ST ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố bị cáo Phan Quốc C phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Phan Quốc C** 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Phan Quốc C phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (3b);
- Công an và VKSND huyện C (2b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã S, huyện C (1b);
- Bị cáo, bị hại (3b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh